

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 01/02/2023

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, nợ chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hương

Các thẩm phán: Bà Hoàng Thị Thu Hương

Bà Ngô Thị Minh Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy - Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2022/HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, nợ chung”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 41/2022/HNGĐ-ST ngày 15/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 26/2022/QĐXX-HNGĐPT ngày 04/11/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1995

Địa chỉ: Tổ 4, ấp O, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh Đinh Xuân T1, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp L, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Luật sư Trịnh Xuân Tuyên – Công ty Luật TNHH MTV PQLAW thuộc Đoàn luật sư TP.HCM.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đinh Công T2, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1962

Địa chỉ: cùng trú tại Xóm G, xã V, huyện T2 Sơn, tỉnh Phú Thọ.

2. Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1976

Địa chỉ: cùng trú tại số 45/8 Đ, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T3, bà C: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Số 45/8 Đình Nghi Xuân, phường Bình Trị Đông, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Đình Xuân T1.

(Chị T, anh T1, bà C, anh H có mặt tại phiên tòa)

NỘI D V U Á N:

- ***Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:*** Vào tháng 9 năm 2018, chị với anh Đình Xuân T1 tự tìm hiểu yêu thương nhau, được cha mẹ hai bên chấp thuận, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bình Trị Đông, thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 14/01/2020.

T3 gian đầu vợ chồng sống vui vẻ, hạnh phúc. Sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T1 thường xuyên đi nhậu, chửi bới dùng lời lẽ thô tục xúc phạm đến chị T và cha mẹ và dòng họ chị T, anh thường xuyên mượn tiền dòng họ để phục vụ công việc cá nhân, bản thân chị T không biết. Khi có tiền thì anh T1 không chịu trả dẫn đến rất nhiều lần vợ chồng cự Ci với nhau, xúc phạm vợ, anh nói tại vì lấy vợ nên mới vay tiền dòng họ nhưng chị không biết anh T1 dùng tiền vào việc gì, nợ tiền công trình không trả mấy lần người trong công trình đến đòi và anh T1 bỏ đi để hai mẹ con chị ở lại. Ngoài ra, còn mâu thuẫn về tình Cm dẫn đến việc không ai còn quan tâm đến đời sống của nhau. Vợ chồng ly thân kể từ tháng 6/2021 cho đến nay.

Con chung: có 01 người con chung tên là Đình Nguyễn Nguyên K, sinh ngày 15/12/2019. Hiện nay cháu K đang sống chung với ông bà nội cháu tại Xóm G (nay là khu S), xã V, huyện T2 , tỉnh Phú Thọ từ ngày 01/5/2021 cho đến nay. Lý do của việc đưa con cho mẹ chồng nuôi dưỡng là do T3 điếm đó mẹ chồng chị T từ Phú Thọ vào P chăm cháu tiếp chị, mẹ chồng chị T nói là mẹ buồn và nhớ nhà nên có nói với chị là đưa C cháu K về quê thăm ông nội một tháng, vì thương mẹ thui thui 1 mình và cũng vì chồng chị cũng thường xuyên về trễ, T3 điếm này chị đi làm về trễ và Công ty đang trong giai đoạn T2 tra nên để bà nội và cháu về quê cho có ông có bà cùng nhau đỡ tủi. Sau khi sắp xếp được công việc chị có nhiều lần xin đón con nhưng ông bà không cho, sau đó chồng và gia đình bên chồng

cương quyết không cho đón con về lại P nữa, với lý do là vợ chồng không còn ở với nhau nữa nên không cho chị nuôi con. Chị về thăm con và xin ông bà cho cháu vào nhưng ông bà không cho, em gái của anh T1 đuổi chị ra khỏi nhà. Chị T và mẹ ruột của chị phải ra Nhà nghỉ để ở và chị có nán lại thăm con nhưng sáng hôm sau về thăm con lại bị chửi bới. Hiện tại chị có tìm hiểu cuộc sống của con thường xuyên tH thôn, ông bà ăn uống tiết kiệm, hay ăn thức ăn ngoài không đảm bảo vệ sinh thực phẩm, chồng chị bảo bất cứ thứ gì do chị gửi về cho con đều vứt bỏ hết, chị có mua vitamin cho con uống thì gia đình bên chồng không cho uống, T3 tiết lạnh mà mẹ chồng dùng nước lạnh sả trực tiếp lên người bé, chị biết được và nói với mẹ chồng thì mẹ chồng chị giận. Trong tình hình dịch bệnh vô cùng phức tạp tại địa phương hiện nay mà gia đình bên chồng không kỹ cho bé, thường xuyên tiệc tùng và giao lưu qua lại với nhiều người trong dịch bệnh. Chị T có nhắc nhưng bị mẹ chồng bác bỏ, bên cạnh đó việc tiêm ngừa của bé không đảm bảo, hỏi đến thì mẹ chồng không biết.

Tài sản chung: vợ chồng không có tài sản chung, về nợ: có nợ cha mẹ ruột của chị T là ông Nguyễn Văn T3 và Nguyễn Thị C số tiền là 47.000.000đồng mục đích của việc vay mượn tiền này là để anh T1 làm vốn bổ sung cho công trình đến nay vẫn chưa trả. Mượn không có lãi.

Nay xét thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu Toà án giải quyết: Yêu cầu được ly hôn với anh Đinh Xuân T1. Con chung: yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Đinh Nguyễn Nguyên K, sinh ngày 15/12/2019 đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Anh T1 có mượn nợ cha mẹ ruột là ông Nguyễn Văn T3 và bà Nguyễn Thị C số tiền là 47.000.000đồng, mục đích của việc vay mượn tiền này là để anh T1 làm vốn bổ sung cho công trình của anh đến nay vẫn chưa trả. Mượn không có lãi. Số tiền này anh T1 phải có trách nhiệm tự trả toàn bộ cho cha mẹ chị. Chị không liên quan vì tại T3 điểm mượn tiền này chị phải tự nuôi bầu, anh T1 không phụ giúp.

- Bị đơn anh Đinh Xuân T1 trình bày:

Vào cuối năm 2018, tôi với Nguyễn Thị T tự tìm hiểu yêu thương nhau, được cha mẹ hai bên chấp thuận, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 14/01/2020 tại Ủy ban nhân dân phường Bình Trị Đông, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

T3 gian đầu cuộc sống cũng bình thường. T3 gian phát sinh mâu thuẫn ngay kể từ khi cưới nhau, nguyên nhân là do công việc, văn hoá ứng xử, có lúc cãi nhau lớn tiếng, thậm chí có lần đánh nhau, cha mẹ vợ biết rất rõ, bởi vì T3 gian vợ chồng mâu thuẫn ở gần cha mẹ vợ. Vợ chồng anh chính thức ly thân kể từ tháng 6/2021 cho đến nay. Không ai còn quan quan tâm đến đời sống của nhau.

Con chung: có 01 con chung tên Đinh Nguyễn Nguyên K, sinh ngày 15/12/2019. Con là do anh và bố mẹ ruột anh trực tiếp nuôi dưỡng kể từ đầu năm 2021 cho đến nay. Hiện tại cháu K đang sống chung cha mẹ anh T1 là ông Đinh Công T2 và bà Nguyễn Thị D tại địa chỉ ở Xóm Gò Vườn (nay là khu Sang Vườn) xã Võ Miếu, huyện T2 Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Tài sản chung, nợ chung: không có.

Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh T1 thống nhất ly hôn theo yêu cầu của vợ là chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Anh không đồng ý theo yêu cầu của chị T. Anh T1 yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đinh Nguyễn Nguyên K, sinh ngày 15/12/2019 đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết. Nếu có phát sinh về nợ chung trong T3 kỳ hôn nhân anh sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Công T2, bà Nguyễn Thị D có ý kiến tại biên bản lấy lời khai ngày 18/4/2022 như sau:

Anh Đinh Xuân T1 và chị Nguyễn Thị T tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, quá trình chung sống vợ chồng có 01 người con chung tên Đinh Nguyễn Nguyên K, sinh ngày 15/12/2019.

Từ khi chị T sinh cháu K thì bà D đã vào Thành phố Hồ Chí Minh và P để chăm sóc cháu K đến ngày 30/4/2021 chị T và anh T1 thống nhất giao cháu K cho bà D đưa về nhà ông T2 và bà D tại Khu Sang Vườn, xã Võ Miếu, huyện T2 Sơn, tỉnh Phú Thọ để nuôi dưỡng cho đến nay. Tháng 11/2021, chị T và mẹ ruột chị T có về nhà ông T2 và bà D thăm cháu K được một lần, từ khi đưa cháu K về đây chăm sóc, nuôi dưỡng thì anh T1 là người cấp dưỡng nuôi cháu K trung bình khoảng 07 triệu đồng đến 10 triệu đồng/tháng. Ngoài ra chị T không cấp dưỡng nuôi cháu K. Ông T2 và bà D có nghe chị T nói lại là do vợ chồng không hợp nhau.

Ông T2 và bà D có nguyện vọng tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu K đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung, anh

T1 sẽ là người cấp dưỡng nuôi cháu K cùng ông T2 và bà D, trong trường hợp anh T1 không cấp dưỡng nuôi cháu K thì ông T2 và bà D vẫn đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu K, nguồn thu nhập của ông bà từ vườn cây và xưởng gỗ. Điều kiện học tập ở Khu Sang Vương, xã Võ Miếu, huyện T2 Sơn rất thuận lợi, trường học các cấp cách nhà ông T2 và bà D khoảng 01km và hằng ngày ông T2 và bà D là người đưa đón cháu K đi học, do đó ông T2 và bà D yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K đến tuổi trưởng thành sau này cháu lớn có nguyện vọng ở với cha hay mẹ là do cháu quyết định ông bà không can ngăn.

Trường hợp Tòa án quyết định cho anh T1 nuôi dưỡng thì ông T2 và bà D không có ý kiến nhưng nếu giao cháu K cho chị T nuôi dưỡng thì ông T2 và bà D không đồng ý vì chị T không đảm bảo điều kiện để chăm sóc cháu K, T thường xuyên hay quát mắng đánh đập và lấy dây buộc chân cháu K, có lúc nhốt cháu trong phòng dẫn đến việc cháu K bị tật nhẹ ở chân.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T3 và bà Nguyễn Thị C trình bày:

Ông bà là cha mẹ ruột của chị Nguyễn Thị T. T3 gian đầu vợ chồng của con gái sống hạnh phúc, sau khi con gái mang thai thì cuộc sống vợ chồng của con gái ông bà có sự rạn nứt về tình cảm. Do hai bên bất đồng quan điểm sống với nhau, những lúc con gái bệnh thì T3 sự quan tâm của anh Đinh Xuân T1, sau khi T sinh con, anh Đinh Xuân T1 thường xuyên uống rượu, chửi bới vợ và C cha mẹ vợ, không chăm sóc vợ con.

Tháng 02 năm 2021, mẹ chồng của chị T có vào P chăm tiếp cháu K cho đến tháng 4 năm 2021 mẹ chồng T nói là đưa cháu K về nhà của bà ở Xóm Gò Vương, xã Võ Miếu, huyện T2 Sơn, tỉnh Phú Thọ để thăm nhà và thăm ông nội cháu trong T3 gian 01 tháng. Thấy bà ở P cũng buồn nên T đồng ý cho bà đưa cháu về quê nhưng sau đó vì dịch bệnh diễn biến phức tạp chưa đi rước cháu về được, đến lúc đi ra Phú Thọ được thì khi đi đến nơi không được gia đình bên chồng T chấp nhận, bà C có thưa rõ với gia đình bên chồng T là được đưa cháu về lại P. Em chồng của T là cô Đinh Thị Thu hết lớn là vợ chồng chị T không đoàn tụ gì hết, bảo chị T sao lúc có bầu không phá bỏ đi để giờ khỏi phiền phức. C gia đình bên chồng chị T đuổi mẹ con chị đi khỏi nhà trong đêm, quà cáp T mua tặng gia đình cô Thu bảo mẹ mình vứt bỏ hết đi, nếu không có sự can thiệp của công an địa phương thì bà C và chị T không biết xảy ra chuyện gì. Lúc đưa cháu đi về quê thì ông bà nội cháu có xin phép vợ ông T3 và bà C, vợ chồng ông T3 và bà C đồng ý nhưng khi đến lúc ra đón cháu về lại P thì bị gia đình ông bà nội cháu nói là chị T bỏ con, bà phải vào P đón cháu về.

Trước đó, ở P giữa chị T với anh T1 đã ly thân nhau, anh T1 đã bỏ nhà ra nhà trọ ở, không quan tâm đến vợ con. Không rõ anh T1 nói gì với gia đình mà khi đi đến nhà mẹ ruột của anh T1 thì bị gia đình anh T1 đối xử không tốt như vậy.

Trong quá trình làm ăn của anh T1 tH tiền nên chị T điện thoại về cho ông T3 và bà C với yêu cầu là cho T1 mượn 01 lượng vàng, ông T3 và bà C đồng ý và bán ra được hơn 30 triệu đồng, sau đó một T3 gian anh T1 điện thoại trực tiếp cho ông T3 và bà C là mượn 5 triệu để trả tiền công nhân, một T3 gian nữa ông T3 và bà C có nhờ vợ chồng chị T đi lấy tiền hàng giùm nhưng chị T nói là anh T1 mượn dùng luôn tới nay cũng không trả. Tổng số tiền T1 nợ ông bà là 47 triệu đồng còn những chi phí khác ông T3 và bà C không tính toán. Số tiền này anh T1 có xác nhận qua tin nhắn với chị T. Nay ông T3 và bà C có ý kiến đối với số tiền nợ 47 triệu đồng thì không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết trong cùng vụ án này nếu có phát sinh tranh chấp ông T3 và bà C sẽ khởi kiện anh T1 bằng một vụ án dân sự khác.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 41/2022/HNGĐ-ST ngày 15/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Đinh Xuân T1 thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Nguyễn Nguyên K, sinh ngày 15/12/2019 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu K trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Vì lợi ích mọi mặt của cháu K, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con.

Không bên nào có quyền ngăn Cn việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T, anh T1 không yêu cầu trong vụ án này nên Hội đồng xét xử miễn xét.

4. Về tài sản chung: Chị T và anh T1 xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Hội đồng xét xử miễn xét.

5. Về công nợ chung: Ông T3, bà C, chị T và anh T1 thông nhất không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong cùng vụ án nếu có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và bảo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

-Ngày 15 tháng 7 năm 2022, bị đơn anh Đinh Xuân T1 kháng cáo yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm xem xét:

Giao con chung là Đinh Nguyễn Nguyên K cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu được 7 tuổi thì xem xét nguyện vọng của cháu theo quy định pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con: Yêu cầu xem xét cha mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như nhau. Về nợ chung: Xem xét giải quyết tại tòa.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn anh Đinh Xuân T1 giữ nguyên kháng cáo về yêu cầu trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn đối với cháu Đinh Nguyễn Nguyên K, sinh ngày 15/12/2019. Rút yêu cầu kháng cáo về cấp dưỡng nuôi con và tiền nợ. Số tiền 47.000.000đ theo ý kiến của ông T3, bà C anh T1 không yêu cầu Tòa giải quyết, anh tự đối cH đối cH nợ với chị T và tự giải quyết với ông T3, bà C. Do cháu K được cha mẹ anh giúp trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng từ tháng 6 /2021 đến nay ổn định, hiện cháu phát triển bình thường về thể chất tinh thần. Không yên tâm giao cháu K cho chị T nuôi dạy do trước đây tâm lý chị T không ổn định, ứng xử tH an toàn cho con, cách giáo dục cháu không tốt, sợ ảnh hưởng cho sự phát triển của cháu sau này. Anh T1 dự định tháng 3/2023 sẽ đưa cháu K về P sinh sống có sự giúp đỡ chăm sóc cháu của ông bà nội cháu khi anh được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn, Luật sư Trịnh Xuân T trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đinh Xuân T1 về quyền được nuôi con chung sau ly hôn đối với cháu Đinh Nguyễn Nguyên K. Do anh T1 có đủ các điều kiện nuôi con và có sự giúp đỡ trực tiếp của cha mẹ anh T1. Anh T1 có thu nhập cao ổn định kinh tế đủ điều kiện nuôi cháu K, có chỗ ở ổn định và có sự trợ giúp trực tiếp chăm sóc cháu của cha mẹ anh T1. Đến tháng 3/2023 anh T1 đón cháu K vào P ở cùng sự chăm sóc của ông bà nội cháu.

Từ cuối năm 2021 đến nay chị T không trực tiếp chăm sóc cháu và rất ít liên hệ thăm cháu. Chị T cho rằng bị gia đình anh T1 gây áp lực là không đúng. Tâm lý chị T không ổn định, nhà chị T ở P là nhà của ông bà ngoại cháu K chứ không phải nhà riêng của chị T.

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T1 về việc giao cháu K cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu giữ y bản án sơ thẩm. Do chị có đầy đủ điều kiện chỗ ở, thu nhập kinh tế, T3 gian chăm sóc cháu K tốt hơn anh T1. Do gia đình cha mẹ anh T1 không tạo điều kiện và có mâu thuẫn giữa hai bên nên khoảng năm nay chị không đến Phú Thọ để trực tiếp gặp cháu K. Theo chị biết thì cháu K được cha mẹ anh T1 chăm sóc cháu phát triển bình thường. Hiện tại chị đang làm việc ổn định và có nhà ở tại P, mẹ chị giúp chị khi cháu K về sống với chị.

- Người đại diện của ông T3 bà C là anh H có ý kiến: số tiền ông T1 nợ ông T3 bà C 47.000.000đ không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nhưng yêu cầu anh T1 có hướng giải quyết dứt điểm số nợ trên.

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C: Gia đình cha mẹ và em gái T1 đã có ứng xử không tốt khi bà và chị T ra Phú Thọ để rước cháu K, việc này đã gây mâu thuẫn giữa hai bên về quyền trực tiếp nuôi cháu K cho đến nay. Bà sẽ trợ giúp chị T khi ông bà Nội cháu giao cháu lại cho chị T nuôi dạy.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của các đương sự tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm, đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội D: xét thấy anh T1 và chị T cùng nuôi dạy cháu K từ khi sinh đến cuối năm 2021 cháu K được ông bà Nội cháu đưa về Phú Thọ nuôi dạy cho đến nay. Anh T1 không đưa ra chứng cứ chứng minh được chị T không đủ điều kiện nuôi dạy cháu K sau ly hôn. Chị T có đủ các điều kiện để nuôi dạy cháu K từ thu nhập kinh tế, chỗ ở, T3 gian trực tiếp chăm sóc cháu. Anh T1 không trực tiếp chăm sóc nuôi dạy cháu K mà do ông bà nội cháu chăm sóc. Trong T3 gian cháu K về Phú Thọ cùng cha mẹ anh T1 thì anh T1 và gia đình đã không tạo điều kiện cho chị T thăm nom và rước cháu về sống với chị T. Bản án sơ thẩm giao cháu K cho Chị T trực tiếp nuôi dạy là đúng theo quy định Điều 81 Luật Hôn nhân Gia đình. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh T1, giữ y bản án sơ thẩm số 41/2022/HNGĐ ngày 15/6/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đình Công T2 và bà Nguyễn Thị D có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt ông T2, bà D.

Tại phiên tòa anh Đình Xuân T1 rút một phần yêu cầu kháng cáo về cấp dưỡng nuôi con và nợ chung, căn cứ khoản Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ một phần kháng cáo này của bị đơn anh Đình Xuân T1.

Về quan hệ Hôn nhân: Các bên không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên phần này của Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

[2] Về nuôi dưỡng con sau ly hôn: Xét kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của ông Đình Xuân T1 là cháu Đình Nguyễn Nguyên K, giới tính nam, sinh ngày 15/12/2019. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn cần xem xét quyền lợi về mọi mặt của

con, đảm bảo có các điều kiện cho sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, môi trường sống của trẻ là cháu Nguyễn K. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã động viên các bên theo quy định Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình về quyền nghĩa vụ nuôi con sau ly hôn nhưng anh T1 và chị T không thỏa thuận được.

Xét thấy, anh T1 và chị T đều có điều kiện kinh tế, nơi ở và các điều kiện khác để nuôi dạy cháu K. Từ khi cháu sinh ra đến tháng 5/2021 do anh T1 và chị T trực tiếp nuôi dưỡng có sự trợ giúp của mẹ anh T1, sau đó đến nay cháu K do cha mẹ anh T1 đưa về quê trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy tại Phú Thọ, cháu K không sống chung với anh T1; chị T cũng không trực tiếp gặp cháu thường xuyên do hai bên có mâu thuẫn và nơi ở sinh sống cách xa. Hiện nay anh T1 và chị T làm việc và sống tại P. Xét về T3 gian trực tiếp chăm sóc cháu K thì chị T đảm bảo hơn anh T1.

Do vậy để đảm bảo cho sự phát triển về tinh thần và thể chất, gắn kết tình Cm cha mẹ với con trong việc trực tiếp chăm sóc nuôi dạy. Hội đồng xét xử thống nhất theo đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của ông T1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm, giao cháu Nguyễn K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Nguyễn K hiện đang được ông bà nội cháu là ông Đinh Công T2 và bà Nguyễn Thị D nuôi dạy, nên ông T2, bà D và anh T1 có trách nhiệm giao cháu về chị T nuôi dạy đến 18 tuổi.

[3] Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và bị đơn anh Đinh Xuân T1 được công nhận thuận tình ly hôn tại bản án nên chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu số 0004324 ngày 24/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Án phí phúc thẩm: Anh T1 phải chịu 300.000 đồng do kháng cáo không được chấp nhận, khấu trừ tiền tạm ứng án phí anh T1 đã nộp 300.000đ theo biên lai thu của cơ quan Thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm c khoản 1 Điều 289, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 8 Điều 27, khoản 6 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Đình chỉ một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Đình Xuân T1 đối với phần nợ chung và cấp dưỡng nuôi con.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Đình Xuân T1 đối với phần nuôi con chung.

- Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 41/2022/HNGĐ-ST ngày 15/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đình Xuân T1 .

2. Về con chung: Giao cháu Đình Nguyễn Nguyên K, sinh ngày 15/12/2019, giới tính nam cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Do cháu Nguyên K hiện đang được ông bà nội cháu là ông Đình Công T2, bà Nguyễn Thị D nuôi dạy, nên ông T2 bà D và anh T1 có trách nhiệm giao cháu về chị T nuôi dạy.

Vì lợi ích mọi mặt của cháu K, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con.

Không bên nào có quyền ngăn Cn việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Chị T, anh T1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

3. Tài sản chung: Chị T và anh T1 xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Hội đồng xét xử miễn xét.

4. Về nợ chung: các đương sự không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết, nếu có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

5. Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu số 0004324 ngày 24/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Án phí phúc thẩm: Bị đơn anh Đình Xuân T1 phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí anh T1 đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007687 ngày 20/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án; T3 hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND TP. P;
- THA dân sự TP. P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Hương